

Giáo dục y tế hướng dẫn đặt ống dẫn niệu (存留導尿管之衛教指導)

■ 目的Mục đích

導尿管是一條導管經由尿道置入膀胱，持續引流尿液至尿袋中。適用於排尿困難、手術後照護、長期臥床等患者。正確執行導尿管護理，可預防感染與其他併發症產生

Ống dẫn niệu là một đường ống dẫn đi qua niệu đạo đặt trong bàng quang, để dẫn nước tiểu liên tục vào trong túi niệu, sử dụng cho bệnh nhân đi tiểu khó khăn, chăm sóc hậu phẫu, nằm liệt giường trong thời gian dài. Thực hiện đặt ống dẫn niệu đúng, có thể phòng ngừa nhiễm trùng và xuất hiện biến chứng khác

■ 清潔方式Cách vệ sinh

- 每天至少1次清潔尿道口，範圍涵蓋肛門周圍15cm皮膚
- Mỗi ngày tối thiểu 1 lần vệ sinh lỗ niệu, phạm vi bao trùm vùng da xung quanh cách hậu môn 15 cm.
- 使用溫水與中性清潔劑(肥皂)清潔，亦可沖澡sinh bằng nước ấm và chất tẩy rửa trung tính (xà phòng), cũng có thể xối rửaVệ
- 男性：包皮後退清洗(記得推回)；女性：需由尿道口向肛門方向清潔(由前往後)。分泌物多或解便後須再次清潔
- Đối với nam giới: kéo lùi bao quy đầu về phía sau để rửa (nhớ là kéo trở lại); Đối với nữ giới: Cần từ lỗ niệu rửa sạch về phía hậu môn (từ trước ra sau).
- Vệ sinh lại khi chất bài tiết ra nhiều hoặc sau khi đi vệ sinh.



■ 尿管管理 Quản lý túi niệu

- 保持導尿管與尿袋的密閉性，不可自行拔開
- Giữ độ khít giữa ống dẫn niệu và túi niệu, không được tự ý nhổ ra
- 將尿袋固定於腿部或床邊，保持低於膀胱，不碰地面
- Cố định túi niệu vào phần đùi hoặc bên cạnh giường, giữ cho túi thấp hơn bàng quang, không chạm vào mặt đất.
- 協助病人移動時，務必注意，維持低於膀胱，不碰地面
- Khi hỗ trợ bệnh nhân di chuyển, bắt buộc phải chú ý, giữ cho túi thấp hơn bàng quang, không được chạm mặt đất.
- 尿管應防止壓折且每日更換固定位置，避免皮膚受壓
男性：固定下腹部/大腿內側；女性：固定大腿內側
- Ống niệu cần ngăn ngừa bị chèn gập và hàng ngày thay đổi vị trí cố định, tránh vùng da bị chèn ép.
- Đối với nam giới: Cố định ở phần đùi dưới/ phía bên trong đùi; Đối với nữ giới: Cố định bên trong đùi.
- 定時排空尿袋（通常每3-4小時或尿袋達1/2滿時）
- Xả túi niệu định kỳ (thông thường sau 3-4 tiếng hoặc khi túi niệu đầy 1/2)
- 倒尿時須注意尿袋口處勿碰觸到尿壺或遭受汙染
- Khi đổ nước tiểu cần chú ý miệng túi niệu không chạm vào bờ tiểu hoặc bị nhiễm bẩn



- 移動時可將管路反折，防止尿液逆流，完成後管路保持通暢
- Khi dịch chuyển có thể gấp ngược đường ống, phòng ngừa nước tiểu chảy ngược lại
- Sau khi hoàn thành giữ cho đường ống thông suốt.

■ 預防感染 Phòng ngừa lây nhiễm

- 接觸導尿管及尿袋前後須落實洗手。
- Trước và sau khi tiếp xúc ống dẫn niệu và túi niệu cần rửa sạch tay
- 會陰及肛門處宜保持乾燥及清潔。
- Bộ phận sinh dục và hậu môn cần giữ khô ráo và sạch sẽ.
- 若無特殊限制，鼓勵飲水，每天喝水達2000mL
- Nếu không có hạn chế đặc biệt, khuyến khích uống nước, mỗi ngày cần uống 2000 ml
- 醫療團隊將即時評估病人狀況，判斷移除尿管時機
- Đội ngũ y bác sỹ sẽ lập tức đánh giá tình hình bệnh nhân, phán đoán thời điểm tháo ống niệu.
- 長期留存則依時更換導尿管(一般材質-2週；矽質-1個月)
- Khi đặt ống dẫn niệu trong thời gian dài cần thay ống dẫn niệu (chất liệu thông thường – 2 tuần, silicon là 1 tháng).



■ 異常徵象及緊急返院提醒 Dấu hiệu bất thường và nhắc nhở tái khám khẩn cấp

- 觀察尿液顏色及性狀，注意有無混濁或沉澱物產生
- Quan sát màu sắc và đặc điểm nước tiểu, chú ý có bị đục hoặc cặn hay không .
- 觀察尿管功能，確認是否通暢，若有阻塞，必要時將更換尿管。尿管滑脫且病人無法自解時，請立即就醫
- Quan sát chức năng ống niệu, xác nhận đường ống có thông suốt hay không, nếu bị tắc nghẽn, khi cần thiết cần thay ống niệu. Khi ống niệu bị tuột ra và bệnh nhân không thể đi vệ sinh, cần lập tức đi khám bác sỹ.
- 注意病人是否有發燒、發冷、尿道疼痛、尿道口分泌物增加或尿液混濁，可能為泌尿道感染徵象，請立即就醫
- Chú ý bệnh nhân có bị sốt, lạnh, đau đường niệu, chát bài tiết lỗ niệu tăng lên hoặc nước tiểu đục hay không, có thể là dấu hiệu nhiễm trùng đường tiết niệu, cần nhanh chóng đi khám bác sỹ.



尿袋低於膀胱，不碰觸地面
Túi niệu thấp hơn bàng quang,
không chạm vào mặt đất

■ 複習一下 Ôn tập

問題1: () 尿袋滿了再倒，避免持續開關造成感染

Câu 1: () Túi niệu đầy mới đổ đi, tránh mở ra đậy vào liên tục gây ra nhiễm trùng.

問題2: () 每天至少1次清潔尿道口，範圍須涵蓋肛門周圍
15cm皮膚

Câu 2: () Mỗi ngày tối thiểu vệ sinh lỗ niệu 1 lần, phạm vi là vùng da xung quanh cách hậu môn 15 cm.

問題3: () 擔心尿管會感染，尿道口不能碰水

Câu 3: () Lo lắng ống niệu sẽ lây nhiễm, lỗ niệu không được tiếp xúc với nước

正確答案/Đáp án đúng

問題1: X 問題2: ○ 問題3: X

Câu 1: X Câu 2: ○ Câu 3: X

參考資料/Tài liệu tham khảo

da Silva, R. A., de Oliveira, A. C., & de Souza, L. M. (2023). Nursing protocols to reduce urinary tract infection caused by indwelling catheters: An integrative review. *Revista Brasileira de Enfermagem*, 76(1), e20220123. <https://doi.org/10.1590/0034-7167-2022-0123>

Qin, X., Zhao, H., Qin, W., Qin, X., Shen, S., & Wang, H. (2024). Efficacy of expanded periurethral cleansing in reducing catheter-associated urinary tract infection in comatose patients: A randomized controlled clinical trial. *Critical Care*, 28, Article 162.

電話 số điện thoại : (02)2737-2181 分機 Sự mở rộng: 1300

制定單位/日期 Ngày biên soạn (hiệu đính) : Khoa Điều dưỡng/.114.12..01

PFS-8100-673

本單僅供參考，實際治療以醫師診治為主

Phiếu này chỉ mang tính tham khảo, tình hình thực tế căn cứ theo bác sỹ khám chữa bệnh



以病家為尊、以同仁為重、以北醫為榮